

DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT

(Kèm theo Thông báo số 49 /TB-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2025, của UBND xã Lợi Bắc)

STT	Theo mảnh trích đo						Theo bản đồ địa chính				
	Mảnh trích đo	Tờ bản đồ (cũ)	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Mã hiệu thửa đất	Tờ bản đồ (cũ)	Tờ bản đồ	Số Thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Mã hiệu thửa đất
					6.527,0					6.527,0	
1	02-2019	6	310	388	594,0	CLN	6	310	66	594,0	LNK
2	02-2019	6	310	94	491,0	NTS	6	310	94	491,0	NTS
3	02-2019	6	310	95	243,0	LUC	6	310	95	243,0	LUC
4	02-2019	6	310	93	323,0	LUC	6	310	93	323,0	LUC
5	02-2019	6	310	69	444,0	LUC	6	310	69	444,0	LUC
6	02-2019	6	310	96	383,0	LUC	6	310	96	383,0	LUC
7	02-2019	6	310	92	465,0	LUC	6	310	92	465,0	LUC
8	02-2019	6	310	91	543,0	LUC	6	310	91	543,0	LUC
9	02-2019	6	310	62	715,0	LUC	6	310	62	715,0	LUC
10	02-2019	6	310	1	329,0	BHK	6	310	1	329,0	BHK
11	02-2019	6	310	23	341,0	LUC	6	310	23	341,0	LUC
12	02-2019	6	310	64	346,0	LUC	6	310	64	346,0	LUC
13	02-2019	LN 01	541	616	96,0	NTD	LN 01	541	5	96,0	RSX
14	01-2019	5	309	88	371,0	LUC	5	309	88	371,0	LUC
15	01-2019	5	309	311	560	ONT	5	309	35	348,0	ONT
							6	310	66	169,0	LNK
							5	309		43,0	DGT
16	01-2019	5	309	310	283,0	BHK	5	309	36	283,0	LNK